

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:101/2019/HNGĐ-ST
Ngày 19-6-2019
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Huy Vĩnh

Bà Vũ Thị Minh Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 19 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 110/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2019 về ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2228/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị NTL, sinh năm 1984; Nơi cư trú: Số 7/92 đường A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

Bị đơn: Anh NTA, sinh năm 1983; ĐKKHKT: Số 7/92 đường A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Số 10013 D, Canada; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, các bản tự khai của nguyên đơn là chị NTL trình bày:

Chị NTL và anh NTA kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường E, quận C, thành phố Hải Phòng vào ngày 11/12/2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại số nhà 7/92 đường A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến cuối năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi nhau và sống ly thân từ đó. Đầu năm 2019,

anh NTA sang Canada sống và làm việc, vợ chồng mỗi người một nơi, không còn yêu thương, quan tâm, chia sẻ với nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu F, sinh ngày 22 tháng 10 năm 2009 và cháu G sinh ngày 07 tháng 07 năm 2012. Anh chị thống nhất, sau khi ly hôn giao cháu F cho anh NTA nuôi, giao cháu G cho chị nuôi. Không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho bên nào.

Về tài sản: Anh chị tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh NTA thống nhất với lời trình bày của chị NTL về việc kết hôn, quan hệ hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng, anh cũng đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết cho anh chị được ly hôn. Về con chung: anh chị có 02 con chung, khi ly hôn anh đề nghị Tòa án giao con chung F cho anh nuôi, giao con chung G cho chị NTL nuôi. Không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho bên nào. Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do anh NTA đang ở nước ngoài nên theo khoản 2 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, nguyên đơn là chị NTL vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn là anh NTA vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh NTA. Bị đơn anh NTA vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đồng thời anh ủy quyền cho chị NTL nhận các văn bản tố tụng của Tòa án. Đơn của anh NTA được xác nhận bởi Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại H – Canada.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị NTL có đơn khởi kiện đề nghị xin ly hôn với anh NTA. Chị NTL có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường B, quận C, thành phố Hải Phòng, Anh NTA cư trú tại Canada. Anh chị đều thống nhất đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết việc ly hôn của anh chị. Căn cứ khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm b khoản 1 Điều 39, điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Chị NTL là nguyên đơn, anh NTA là bị đơn đều vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị NTL và anh NTA.

- Về quan hệ hôn nhân:

[3] Chị NTL và anh NTA kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường E, quận C, thành phố Hải Phòng vào ngày 11/12/2008. Theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[4] Chị NTL và anh NTA thống nhất về nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, hai bên đã sống ly thân từ cuối năm 2017, đến nay vợ chồng mỗi người một nơi, không còn có sự quan tâm đến nhau. Như vậy, xét mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, việc chị NTL và anh NTA đề nghị ly hôn là hoàn toàn chính đáng, cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận đề nghị xin ly hôn của chị NTL và anh NTA.

[4] Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu F, sinh ngày 22 tháng 10 năm 2009 và cháu G sinh ngày 07 tháng 07 năm 2012, anh chị thống nhất giao con F cho anh NTA nuôi, giao con G cho chị NTL nuôi, không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho bên nào. Trong quá trình giải quyết vụ án, cháu F có đơn trình bày nguyện vọng được ở với bố. Xét việc thỏa thuận của anh chị là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình, phù hợp với nguyện vọng của con nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận của chị NTL và anh NTA.

[5] Về tài sản chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị NTL là nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo của các đương sự: Chị NTL và Anh NTA được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 4 Điều 207; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 273; điểm d khoản 1 Điều 469; khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị NTL được ly hôn anh NTA.

2. Về con chung: Giao con chung F, sinh ngày 22 tháng 10 năm 2009 cho anh NTA trực tiếp nuôi dưỡng; giao con G sinh ngày 07 tháng 07 năm 2012 cho chị NTL trực tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi các con trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về việc cấp dưỡng nuôi con, các bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị NTL và anh NTA, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị NTL phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001847 ngày 28 tháng 5 năm 2019 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Như vậy, chị NTL đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo của các đương sự:

Chị NTL được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Anh NTA được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Về quyền yêu cầu thi hành án: Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND TP.Hải Phòng;
- Cục THADS TP.Hải Phòng;
- UBND phường E, quận C;
- Đường sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Vũ Thị Thanh Vân